

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2012 đã được soát xét



## NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-09

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012.

### **Công ty**

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 161.000.000.000 đồng (Một trăm sáu một tỷ đồng), tương đương 16.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### **Hội đồng quản trị**

Thành viên hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Lê Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
2	Đoàn Ngọc Hoàn	Phó Chủ Tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10/02/2007
3	Ngô Văn Bình	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/02/2011
4	Lê Tăng Đức	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
5	Hoàng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/02/2011

### **Ban Tổng Giám đốc**

Thành viên ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Đoàn Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/02/2007
2	Ngô Anh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/09/2007
3	Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/02/2011

### **Ban kiểm soát**

Thành viên ban kiểm soát tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Đỗ Thị Hồng	Trưởng Ban Kiểm Soát	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
2	Phạm Thị Ánh Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 22/04/2012
3	Đỗ Chí Thường	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 22/04/2012
4	Trần Công Văn	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 22/04/2012
5	Phạm Hùng Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 22/04/2012

### **Kiểm toán viên**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Đoàn Ngọc Hoàn**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Số: 1685/BCKT-TC/NV5

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT**

về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam lập ngày 30 tháng 07 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 09 kèm theo.

Việc lập và trình bày tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012 thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012 căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm việc kiểm tra cách lập và tính toán các tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tại ngày 30/06/2012, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính.



**Ngô Quang Tiến**  
Phó Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0448/KTV

**Nguyễn Việt Long**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0692/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**  
Hà Nội, Ngày 31 tháng 07 năm 2012

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2012

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
Của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tại ngày 30/06/2012

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



Bùi Quang Kỳ

Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ



Phạm Hùng Sơn

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		VKD (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
<b>A. NGUỒN VỐN</b>				
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	161.000.000.000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần			
3.	Quỹ đầu tư phát triển	271.963.694		
4.	Quỹ dự phòng tài chính	271.963.694		
5.	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	1.292.868.789		
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100 % giảm đi)			
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
8.	Lợi ích của cổ đông tối thiểu			
9.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
10.	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		17.896.183	1.533.000
<b>B. TÀI SẢN</b>				
<b>I. Các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn</b>				
1.	Chứng khoán do người liên quan phát hành			
2.	Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại từ ba mươi (30) ngày trở lên, kể từ thời điểm tính toán			
3.	Các khoản thu ngắn hạn mà có kỳ hạn thanh toán còn lại trên (30) ngày			
4.	Các khoản phải thu nội bộ ngắn hạn			
5.	Tài sản ngắn hạn khác, bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn, thuế còn được khấu trừ, các khoản thuế phải thu, tiền tạm ứng và các tài sản ngắn hạn khác		2.998.514.737	
<b>II. Mọi chỉ tiêu trong tài sản dài hạn, ngoại trừ các chỉ tiêu sau:</b>				
				69.641.462.981
1.	Chứng Khoán do người liên quan phát hành			
2.	Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại từ ba mươi (30) ngày trở lên, kể từ thời điểm tính toán			
<b>III. Một số chỉ tiêu khác</b>				
1.	Phần còn lại của các cam kết bảo lãnh thanh toán (nếu có)			
2.	Các khoản ngoại trừ trong chỉ tiêu tài sản (nếu có) tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán			
<b>VỐN KHẢ DỤNG = (1) - (2)+(3)</b>				<b>90.180.455.276</b>

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) =(1)*(2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				
1.	Tiền mặt ( VND)	0%	328.572.476	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	58.305.568.297	-
3.	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%		-
<b>II. Trái phiếu chính phủ</b>				
4.	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối CECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung Ương của các nước thuộc khối này , trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD,IADC,AFDB,EIB và EBRD			
5.	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ tài chính bảo lãnh được niêm yết			
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
7.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm , kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
8.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	1.000.000	200.000
9.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
10.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm , kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
11.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		
<b>IV. Cổ phiếu</b>				
12.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM, chứng chỉ quỹ đại chúng đang mở	10%	73.759.500	7.375.950
13.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội	15%	464.977.400	69.746.610
14.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết , đăng ký qua hệ thống upcom	20%	1.917.200	383.440
15.	Cổ phiếu phổ thông , cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%		
16.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	11.091.020.000	5.545.510.000
<b>V. Chứng Chỉ quỹ</b>				
17.	Quỹ đại chúng	10%		
18.	Quỹ thành viên	30%		



<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>				
19.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi	40%		
20.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		
<b>VII. Chứng khoán khác</b>				
21.	Các loại chứng khoán khác	80%		
22.	Chứng khoán bảo lãnh phát hành			
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>		Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	Chi tiết tới từng mã chứng khoán			
1.	XYZ			
2.	.....			
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>				<b>5.623.216.000</b>

**B. RỦI RO THANH TOÁN**

LOẠI HÌNH GIAO DỊCH	Giá trị rủi ro							Tổng giá trị
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>								
1.	Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo( ngoại trừ cho TCTD vay)							
2.	Cho vay chứng khoán							
3.	Vay chứng khoán							
4.	Hợp đồng mua bán lại (repo)							
5.	Hợp đồng bán mua lại (Reverse repo)							
6.	Giao dịch ký quỹ ( Cho khách hàng vay mua chứng khoán)							
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>								
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro			Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyên giao chứng khoán							
2.	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyên giao chứng khoán							
3.	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyên giao chứng khoán							
<b>III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>								
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm			Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
	.....							

**B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)**

**C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG( TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)**

I.	Tổng các chi phí hoạt động	14.895.312.420
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	3.602.783.286
1.	Chi phí khấu hao, chi phí không bằng tiền	3.002.247.689
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	16.363.183
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	
4.	Dự phòng phải thu khó đòi	584.172.414
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ ( III=I-II)	11.292.529.134
IV.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	32.200.000.000
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max { III, IV})</b>		<b>32.200.000.000</b>
<b>D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>		<b>37.823.216.000</b>

**Ghi chú:**

Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính Phủ bảo lãnh, Bộ tài chính nào lãnh, Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành

(1) phổ thuộc Trung Ương:

(2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung Tâm lưu ký Chứng Khoán

- Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở
- (3) các nước thuộc khối OECD
  - Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập
  - (4) ngoài các nước thuộc khối OECD
  - Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập
  - (5) và hoạt động tại Việt Nam
  - (6) Giá trị rủi ro thanh toán với Tập Đoàn Nhà Nước, Tổng Công ty Nhà Nước, Doanh Nghiệp nhà nước
  - (7) Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác

**III. BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

Stt	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng	Ghi chú nếu có
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	5.623.216.000	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán		
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	32.200.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	37.823.216.000	
5.	Vốn khả dụng	90.180.455.276	
6.	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	238%	

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Bùi Quang Kỳ

Trưởng bộ phận kiểm  
soát nội bộ



Phạm Hùng Sơn



Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn